

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2020/DS-ST

Ngày 15-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Dũng

Bà Phạm Thị Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng); địa chỉ trụ sở: Đường N, Phường M, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vân T, nơi cư trú: Đường M, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 37/2019/GUQ-CNHP ngày 02/01/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Chi nhánh Hải Phòng); có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức A; nơi cư trú: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng ngày 22/5/2019, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/5/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và anh Nguyễn Đức A có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng hợp đồng tín dụng. Theo đó Ngân hàng cấp cho anh Đức A thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng theo từng thời kỳ. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 30/6/2016 đến ngày 27/9/2018 ông Đức A đã giao dịch bằng thẻ tín dụng được cấp số tiền 25.290.000 đồng. Anh Nguyễn Đức A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 22.286.574 đồng Trong quá trình sử dụng thẻ, nhiều kỳ ông Nguyễn Đức A không thanh toán cho Ngân hàng đúng hạn. Ngày 30/9/2018 toàn bộ dư nợ còn thiếu chuyển sang quá hạn và chấm dứt quyền sử dụng thẻ của anh Nguyễn Đức A.

Tính đến ngày 14/9/2020, anh Nguyễn Đức A còn nợ tổng số tiền 28.526.255 đồng, trong đó: nợ gốc là 14.276.345 đồng, nợ lãi quá hạn 14.249.910 đồng.

Ngân hàng yêu cầu anh Nguyễn Đức A phải có nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền là 28.526.255 đồng, trong đó: nợ gốc là 14.276.345 đồng, nợ lãi quá hạn 14.249.910 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng hợp đồng tín dụng 15/6/2016 tạm tính đến ngày 14/9/2020. Anh Nguyễn Đức A tiếp tục trả lãi tính trên nợ gốc phát sinh từ sau ngày 14/9/2020 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến ngày trả xong nợ.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Quan điểm của bị đơn anh Nguyễn Đức A: Anh Nguyễn Đức A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, anh Đức A không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại các phiên hòa giải và vắng mặt phiên tòa lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự; qua quá trình hỏi công khai tại phiên tòa, xét thấy các hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên là hợp pháp. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao dịch bằng thẻ tín dụng được cấp số tiền 25.290.000 đồng

cho bị đơn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 342; 351; 355; 471; 473; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 14/9/2020 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng hợp đồng tín dụng 15/6/2016 là 28.526.255 đồng, trong đó: nợ gốc là 14.276.345 đồng, nợ lãi quá hạn 14.249.910 đồng.

Anh Nguyễn Đức A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc kể từ sau ngày 14/9/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất được hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về dân sự giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và cá nhân là anh Nguyễn Đức A không có mục đích lợi nhuận (tranh chấp về hợp đồng tín dụng) được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản cho bị đơn nhưng không đến trụ sở Tòa án để làm việc và vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hợp đồng tín dụng 15/6/2016 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng và bên vay là anh Nguyễn Đức A tuân thủ quy định tại Điều 121, 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 với các điều khoản của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy các hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của hai bên. Theo đó, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, anh Đức A đã giao dịch bằng thẻ tín dụng được cấp số tiền 25.290.000 đồng. Anh Đức A đã nhận đủ tiền vay nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình theo điều khoản và điều kiện phát hành thẻ của Ngân hàng. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định trong điều khoản và điều kiện phát hành thẻ của Ngân hàng. Ngân hàng khởi kiện buộc anh Đức A phải trả nợ gốc, nợ lãi để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Tính đến ngày 14/9/2020, anh Nguyễn Đức A còn nợ và có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hợp đồng tín dụng 15/6/2016 là:

+ Nợ gốc: 14.276.345 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 14.249.910 đồng.

Tổng là: 28.526.255 đồng

- Về án phí:

[4] Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Bị đơn anh Nguyễn Đức A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là $28.526.255 \text{ đồng} \times 5\% = 1.427.000 \text{ đồng}$.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các tổ chức Tín dụng;

Căn cứ vào các điều 342; 351; 355; 471; 473; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối anh Nguyễn Đức A.

1. Bị đơn anh Nguyễn Đức A phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền nợ còn lại của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng hợp đồng tín dụng 15/6/2016 tổng số tiền là: 28.526.255 (hai mươi tám triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi lăm) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 14.276.345 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 14.249.910 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 14/9/2020, bị đơn anh Nguyễn Đức A phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Đức A phải chịu 1.427.000 (một triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 532.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006309 ngày 27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải phòng.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Đức A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Phương

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Phương

